

Bản án số: 652/2024/HS-ST
Ngày: 29/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tam.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà La Nguyễn Minh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 658/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 654/2024/QĐXXST-HS ngày 13/11/2024 và thông báo đòi ngày xét xử số 1159/2024/TB-TA ngày 18/11/2024 đối với các bị cáo:

1. Phan Thành C; Tên gọi khác: Phan Thanh C1; sinh năm: 2001; tại Kiên Giang; HKTT: Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: không; Con ông Phan Thanh S và bà Đỗ Thị N; chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 24/8/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/3/2023.

Tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại

Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

Bị cáo có mặt.

2. Huỳnh Lê Trường H; Tên gọi khác: Không; sinh năm: 1982; tại Đồng Nai; HKTT: B22E, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: không; Con ông Huỳnh Văn H1 và bà Lê Thị H2; có vợ tên Lê Thị G (đã ly hôn), có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 12/6/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2012, đã đóng án phí.

+ Ngày 08/5/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/01/2018, đã đóng án phí.

+ Ngày 14/6/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/7/2020, đã đóng án phí.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/7/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

Bị cáo có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Tự D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số B, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn S1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ I, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Vũ Tiến V, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Anh Nguyễn Nam T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng: Chị Lê Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thành C và Huỳnh Lê Trường H là bạn bè quen biết với nhau. Khoảng 08 giờ ngày 21-7-2024, C và H đi bộ ngang nhà không số tại tổ A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai của anh Nguyễn Tự D (ngụ tại số B, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) thì phát hiện cửa cổng và cửa chính đóng, không có người trông coi nên C đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định trên, C trèo tường, đi vào bên trong phát hiện nhà không có người trông coi, có nhiều tài sản nên C rủ H vào nhà trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài và để sử dụng thì H đồng ý. Sau đó, H trèo tường vào sân nhà, C dùng tay giật mạnh khung sắt cửa sổ bung ra rồi cả hai chui vào bên trong nhà cùng nhau khiêng đồ đạc gồm: 01 (Một) máy giặt hiệu Panasonic, 01 (Một) bộ B (gồm 01 cái bàn và 05 cái ghế), 01 (Một) bếp gas đôi hiệu Kiwa Sakura, 01 (Một) bình gas 12kg, 01 (Một) bếp gas mini hiệu Namilux, 01 (Một) tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 (Một) máy nước nóng hiệu Panasonic, 01 (Một) nồi lẩu điện hiệu Sunhouse, 01 (Một) quạt treo tường hiệu Senko, 01 (Một) nồi cơm điện hiệu Happy Cook, 01 (Một) mớ tơ bơm nước, 01 (Một) bàn ủi hiệu Khaluck và 01 (Một) đồng hồ treo tường ra ngoài sân. Sau đó, H tìm gặp ông Vũ Tiến V ngụ tại tổ A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (là người chạy ga bác chở thuê) để thuê ông V chở số tài sản trên về dãy phòng trọ của H và C tại tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì ông V đồng ý. Do không đủ tiền trả tiền xe nên H đã bán 01 (Một) máy bơm nước cho cháu Nguyễn Hoàng Tuấn A (sinh năm 2007) ngụ tại tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai được 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), số tiền này H trả cho ông V tiền thuê xe 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), còn 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) H tiêu xài hết. Sau khi lấy trộm được tài sản, H và C đã bán 01 (Một) bàn inox, 04 (Bốn) ghế inox, 01 (Một) bếp gas đôi hiệu Kiwa Sakura, 01 (Một) bình gas, 01 (Một) tủ lạnh hiệu Sanyo và 01 (Một) máy giặt hiệu Panasonic cho anh Nguyễn Văn S1 ngụ tại tổ H, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai được giá 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng), C cho H 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) đã tiêu xài hết, số tiền còn lại

Ca đã tiêu xài hết. Số tài sản trộm cắp được còn lại C và H chia nhau để lại phòng trọ của mình để sử dụng.

Sự việc xảy ra, anh D đến Công an phường T trình báo. Qua kiểm tra, xác minh, đến khoảng 12 giờ 30 ngày 22-7-2024, Công an phường T kiểm tra hành chính phòng trọ của C và H phát hiện nhiều tài sản C và H trộm cắp nên đã mời C và H về làm việc. Tại đây, C và H thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Công an phường T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (Một) máy giặt hiệu Panasonic, 01 (Một) bộ B (gồm 01 cái bàn và 05 cái ghế), 01 (Một) bếp gas đôi hiệu Kiwa Sakura, 01 (Một) bình gas 12kg, 01 (Một) bếp gas mini hiệu Namilux, 01 (Một) tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 (Một) máy nước nóng hiệu Panasonic, 01 (Một) nồi lẩu điện hiệu Sunhouse, 01 (Một) quạt treo tường hiệu Senko, 01 (Một) nồi cơm điện hiệu Happy Cook, 01 (Một) motor bơm nước, 01 (Một) bàn ủi hiệu Khaluck và 01 (Một) đồng hồ treo tường thuộc sở hữu của anh Nguyễn Tự D. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi, trả lại cho anh D.

- Số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) do ông Vũ Tiến V tự nguyện nộp lại là tiền H đã bán tài sản trộm cắp có được để trả tiền thuê xe cho ông V.

- 01 (Một) USB ghi lại sự việc liên quan sự việc phạm tội: lưu hồ sơ vụ án.

Tại Bản kết luận định giá tài sản 237/KL-HĐĐGTS ngày 25-7-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 (Một) bộ bàn ghế bằng kim loại gồm 01 (Một) bàn tròn và 05 (Năm) cái ghế, 01 (Một) máy nước nóng hiệu Panasonic, 01 (Một) cái tủ lạnh hiệu Sanyo SR-9JR (MS), 01 (Một) bếp gas đôi hiệu Kiwa Sakura SA-690NK, 01 (Vỏ) bình gas hiệu Pacific gas loại 12kg, 01 (Một) máy giặt cửa trên hiệu Panasonic NA-F70VB6, 01 (Một) nồi lẩu điện hiệu Sunhouse SHD4520, 01 (Một) bếp gas mini hiệu Namilux TS-NM2, 01 (Một) quạt treo tường hiệu Senko TR828, 01 (Một) nồi cơm điện hiệu Happy Cook HC-060, 01 (Một) bàn ủi hiệu Khaluck KL-206, 01 (Một) đồng hồ treo tường và 01 (Một) motor bơm nước có tổng giá trị định giá tài sản là 4.063.500đ (Bốn triệu không trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng)”.

Trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Tự D đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

- Cháu Nguyễn Hoàng Tuấn A và anh Nguyễn Nam T (ba cháu Tuấn A) không yêu cầu bồi thường số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Văn S1 không yêu cầu bồi thường số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số: 648/CT-VKSBH ngày 06/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố các bị cáo Phan Thành C và Huỳnh Lê Trường H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt Phan Thành C mức hình phạt tù 14 tháng đến 18 tháng tù Huỳnh Lê Trường H mức hình phạt tù 10 tháng đến 12 tháng tù.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người bị hại anh Nguyễn Tự D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Tiến V, anh Nguyễn Nam T, người làm chứng chị Lê Thị L đã được triệu tập nhưng vắng mặt. Anh D, anh S1, ông V, anh T, chị L đã có lời khai tại hồ sơ vụ án. Xét thấy, sự vắng mặt của anh D, anh S1, ông V, anh T, chị L không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh D, anh S1, ông V, anh T, chị L.

[3] Về pháp luật áp dụng và xác định tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 21-7-2024, tại nhà không số tại tổ A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Phan Thành C và Huỳnh Lê Trường H đã có hành vi trộm cắp 01 (Một) bàn tròn và 05 (Năm) cái ghế inox, 01 (Một) máy nước nóng hiệu Panasonic, 01 (Một) cái tủ lạnh hiệu Sanyo SR-9JR (MS), 01 (Một) bếp gas đôi hiệu Kiwa Sakura SA-690NK, 01 (Vỏ) bình gas hiệu Pacific gas loại 12kg, 01 (Một) máy giặt cửa trên hiệu Panasonic NA-F70VB6, 01 (Một) nồi lẩu điện hiệu Sunhouse SHD4520, 01 (Một) bếp gas mini hiệu Namilux TS-NM2, 01 (Một) quạt treo tường hiệu Senko TR828, 01 (Một) nồi cơm điện hiệu Happy Cook HC-060, 01 (Một) bàn ủi hiệu Khaluck KL-206, 01 (Một) đồng hồ treo tường và 01 (Một) mơ tơ bơm nước có tổng trị giá là 4.063.500đ (Bốn triệu không trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng) của anh Nguyễn Tự D thì C và H bị bắt giữ, xử lý.

Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người trong độ tuổi trưởng thành có khả năng lao động, để có tiền tiêu xài lại có hành vi tìm kiếm, lợi dụng sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản thể hiện thái độ xem thường pháp luật, gây mất an ninh trật tự địa phương. Các bị cáo đều đã bị xử lý hình sự nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần có mức án nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong vụ án, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Bị cáo C là người rủ rê, bị cáo C và H cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo C phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Phan Thành C chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) do ông Vũ Tiến V tự nguyện nộp lại là tiền H đã bán tài sản trộm cắp có được để trả tiền thuê xe cho ông V nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Nguyễn Tự D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Đối với ông Vũ Tiến V giúp C và H chở tài sản trộm cắp về phòng trọ của C và H, khi nhận chở thuê ông V không biết đây là tài sản do C và H trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn S1 và cháu Nguyễn Hoàng Tuấn A đã mua tài sản của C và H trộm cắp được nhưng khi mua anh S1 và cháu Tuấn A không biết đây là tài sản do C và H trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý là phù hợp.

Đối với chị Phạm Thị Tuyết N1 là người sống chung phòng trọ với H và chị Nguyễn Như N2 là người sống chung phòng trọ với C ở dãy nhà trọ thuộc tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, chị N1 và chị N2 không biết tài sản mà H và C mang về phòng trọ cất giấu và sử dụng là tài sản do H và C trộm cắp mà có. Đồng thời chị N1 và chị N2 không tham gia bàn bạc hay giúp sức cho C và H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý là phù hợp.

[6] Về án phí HSST: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phan Thành C;

Tuyên bố bị cáo Phan Thành C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thành C **16 (mười sáu) tháng** tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 23/7/2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Lê Trường

H;

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Lê Trường H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Lê Trường H **14 (mười bốn) tháng** tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 23/7/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Theo biên lai thu tiền số 02787 ngày 21/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thanh Thủy